TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 734/2017/QĐST-DS	*Gò Vấp, ngày 04 tháng 10 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 685/2015/TLST-DS ngày 31/12/2015 về "Tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn";

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; sự thỏa thuận này không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác; tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án thông báo về nội dung thỏa thuận trong Biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2017 nhưng đều không có ý kiến phản đối sự thỏa thuận đó;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

Bà Lý Thị Tuyết M, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: đường Đ, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1980, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 23/12/2015)

- Bị đơn:

Ông Đinh Quý D, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: đường Đ, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Xuân H, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 30/3/2017).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản H; địa chỉ trụ sở: đường Đ, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đinh Quý D, chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

2. Ban quản lý Chợ D; địa chỉ: đường Đ, phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

3. Các tiểu thương trong Chợ D;

4. Chị Đinh Mỹ V, sinh năm 1984

5. Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1937

6. Chị Đinh Thị Mỹ L, sinh năm 1983

7. Anh Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1983

8. Chị Đinh Mỹ H, sinh năm 1992

9. Anh Diệp Minh T, sinh năm 1985

10. Đinh Diệp Hoàng N, sinh năm 2008 (con của chị H, do chị H đại diện theo pháp luật)

11. Đinh Diệp Trí H, sinh năm 2009 (con của chị H, do chị H đại diện theo pháp luật)

12. Nguyễn Tuấn P, sinh năm 2012 (con của chị L, do chị L đại diện theo pháp luật)

Cùng địa chỉ cư trú: đường Đ, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Nguyên đơn là Bà Lý Thị Tuyết M và bị đơn là Ông Đinh Quý D cùng xác nhận tài sản chung vợ chồng bao gồm các bất động sản sau:

1.1. Căn nhà số 137 (số mới 823) đường Nguyễn Kiệm, Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 148 do UBND quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/02/1994.

1.2. Quyền sử dụng đất diện tích 4001m2 thuộc thửa đất số 1747, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại xã An Bình, huyện Dĩ An (nay là thị xã Dĩ An), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành R550056, số vào sổ cấp giấy 242QSDĐ/AB do UBND huyện Dĩ An (nay là thị xã Dĩ An), tỉnh Bình Dương cấp ngày 31/8/2000.

1.3. Quyền sử dụng đất diện tích 1.960m2 thuộc thửa đất số 14a, 16a tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại xã An Bình, huyện Dĩ An (nay là thị xã Dĩ An), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 219QSDĐ/AB do UBND huyện Dĩ An (nay là thị xã Dĩ An), tỉnh Bình Dương cấp ngày 14/8/2000.

2. Nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất với giá trị các tài sản tranh chấp theo Chứng thư thẩm định giá số Vc 17/07/048/BĐS-TPVI ngày 03/7/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thẩm định giá T và Biên bản định giá tài sản ngày 28/4/2017.

3. Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận phân chia các tài sản chung vợ chồng như sau:

3.1. Nguyên đơn là Bà Lý Thị Tuyết M được nhận tài sản là căn nhà số 137 (số mới 823) đường Nguyễn Kiệm, Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 148 do UBND quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/02/1994 trị giá 6.010.855.653 đồng và Quyền sử dụng đất diện tích 4001m2 thuộc thửa đất số 1747, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại xã An Bình, huyện Dĩ An (nay là thị xã Dĩ An), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành R550056, số vào sổ cấp giấy 242QSDĐ/AB do UBND huyện Dĩ An (nay là thị xã Dĩ An), tỉnh Bình Dương cấp ngày 31/8/2000 trị giá 26.766.690.000 đồng.

3.2. Bị đơn là Ông Đinh Quý D được nhận tài sản là Quyền sử dụng đất diện tích 1.960m2 thuộc thửa đất số 14a, 16a tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại xã An Bình, huyện Dĩ An (nay là thị xã Dĩ An), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 219QSDĐ/AB do UBND huyện Dĩ An (nay là thị xã Dĩ An), tỉnh Bình Dương cấp ngày 14/8/2000 trị giá 27.294.920.000 đồng.

3.3. Nguyên đơn là Bà Lý Thị Tuyết M cam kết thanh toán cho bị đơn là Ông Đinh Quý D số tiền chênh lệch là 2.741.312.826 (Hai tỷ bảy trăm bốn mươi mốt triệu ba trăm mười hai nghìn tám trăm hai mươi sáu) đồng ngay khi Tòa án ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận này của hai bên.

3.4. Bà Lý Thị Tuyết M và Ông Đinh Quý D thống nhất mỗi bên đều có đầy đủ quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký chủ quyền các tài sản đã được phân chia như trên phù hợp với các quy định của pháp luật mà không bị hạn chế bởi ý chí của bên kia.

4. Bà Lý Thị Tuyết M cam kết sẽ không tranh chấp đối với bất cứ giá trị tài sản nào được xây dựng trên các bất động sản hoặc gắn liền với các bất động sản được chia cho Ông Đinh Quý D; cũng như nếu có bất cứ

phần giá trị nào phát sinh từ những tài sản thuộc quyền sở hữu chung của Bà Lý Thị Tuyết M và Ông Đinh Quý D đã được chia cho Ông Đinh Quý D thì Bà Lý Thị Tuyết M cũng tự nguyện giao hết cho Ông Đinh Quý D; và ngược lại.

5. Bà Lý Thị Tuyết M và Ông Đinh Quý D xác định không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết chia các tài sản có tranh chấp còn lại trong hồ sơ vụ án (nếu có).

6. Bà Lý Thị Tuyết M và Ông Đinh Quý D thống nhất tất cả các tài sản chung vợ chồng đã được chia trong vụ án này và sẽ không tranh chấp về tài sản chung nào khác nữa.

7. Án phí dân sự sơ thẩm do nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận mỗi bên sẽ tự chịu theo phần tài sản được chia cho mình theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

- Bà Lý Thị Tuyết M được chia tài sản có tổng giá trị là 32.777.545.653 đồng, sau khi thanh toán số tiền chênh lệch 2.741.312.826 đồng cho Ông Đinh Quý D, giá trị tài sản Bà Lý Thị Tuyết M được hưởng là 30.036.232.827 đồng nên phải nộp án phí là 69.018.116 (Sáu mươi chín triệu không trăm mười tám nghìn một trăm mười sáu) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp (46000000 đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006853 ngày 31/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lý Thị Tuyết M còn phải nộp 23.018.116 (Hai mươi ba triệu không trăm mười tám nghìn một trăm mười sáu) đồng chênh lệch.

- Ông Đinh Quý D được chia tài sản có giá trị là 27.294920.000 đồng và được Bà Lý Thị Tuyết M thanh toán số tiền chênh lệch 2.741.312.826 đồng, như vậy tổng giá trị tài sản Ông Đinh Quý D được hưởng là 30.036.232.827 đồng nên phải nộp án phí là 69.018.116 (Sáu mươi chín triệu không trăm mười tám nghìn một trăm mười sáu) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp (50.000.000 đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018037 ngày 15/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đinh Quý D còn phải nộp 19.018.116 (Mười chín triệu không trăm mười tám nghìn một trăm mười sáu) đồng chênh lệch.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- CCTHADS quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Hồ Thanh Bạch